

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 22-4-2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Hưng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Hồng Hải.
2. Bà Nguyễn Thị Hồng.

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phan Khánh Vi - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 351/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 351/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 351/2022/QĐ-DS ngày 01 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Võ Thị T**, sinh năm 1976; Trú tại: Tổ A, phường B, quận C, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Kim H**, sinh năm 1976. Trú tại: Số nhà A1 đường B1, phường C1, quận D1, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án, bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, nguyên đơn – bà Võ Thị T trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Nguyễn Kim H kết hôn với nhau vào năm 1996, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thạc Gián, quận Thanh Khê, Tp Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà cha mẹ tôi cho đến năm 1998 thì chuyển về chung sống tại nhà cha mẹ chồng, sau đó chúng tôi ra thuê nhà ở riêng. Vợ chồng hạnh phúc đến năm 2014 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn

do chồng tôi có người phụ nữ khác và có liên quan đến ma túy, đã bị Tòa án kết án tù ba lần, ra tù lần cuối vào tháng 12 năm 2021. Hiện chúng tôi không sống chung. Nay tôi xác định tình cảm không còn, tính tình không hợp, khác nhau về quan điểm sống, mâu thuẫn trầm trọng nên yêu cầu được giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Kim H.

- Về con chung: Bà T xác định có 03 con chung là Nguyễn Kim H1, sinh năm 1997, Nguyễn Kim T1, sinh ngày 11/01/2001 và Nguyễn Võ Mai Thanh Tr, sinh ngày 28/12/2009. Ly hôn, tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Võ Mai Thanh Tr, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung Nguyễn Kim T1, Nguyễn Kim H1 đã đủ 18 tuổi nên không đề cập.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Đối với bị đơn – ông Nguyễn Kim H:** Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đều không có mặt theo giấy triệu tập, không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến như sau:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Bị đơn ông Nguyễn Kim H được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, do đó bị đơn ông Nguyễn Kim H chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân: Qua xem xét các T1 liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa, có căn cứ xác định vợ chồng bà Võ Thị T và ông Nguyễn Kim H có mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm không còn, đời sống chung không thể kéo dài. Xét yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

- Về con chung: Đề nghị giao con chung Nguyễn Võ Mai Thanh Tr, sinh ngày 28/12/2009 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông H không cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung Nguyễn Kim H1, Nguyễn Kim T1 đã đủ 18 tuổi nên không đề cập.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu giải quyết nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa bà Võ Thị T và ông Nguyễn Kim H là tranh chấp về hôn nhân gia đình. Bị đơn có nơi cư trú tại Số nhà A1 đường B1, phường C1, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn là ông Nguyễn Kim H được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan,

căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị T và ông Nguyễn Kim H kết hôn với nhau vào năm 1996, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thạc Gián, quận Thanh Khê, Tp Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo bà T sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà cha mẹ bà T cho đến năm 1998 thì chuyển về chung sống tại nhà cha mẹ chồng, sau đó ra thuê nhà ở riêng. Vợ chồng hạnh phúc đến năm 2014 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông H có người phụ nữ khác và có liên quan đến ma túy, đã bị Tòa án kết án tù ba lần, ra tù lần cuối vào tháng 12 năm 2021, vợ chồng hiện không sống chung. Nay bà xác định tình cảm không còn, tính tình không hợp, khác nhau về quan điểm sống, mâu thuẫn trầm trọng nên yêu cầu được giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Kim H.

Xét yêu cầu bà T thì thấy: Mọi quan hệ hôn nhân chỉ thực sự tồn tại khi vợ chồng yêu thương, cùng nhau xây đắp gia đình. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông H nhưng ông H không có mặt tại Tòa án, cũng như không có ý kiến phản hồi. Điều này thể hiện ông H không còn tha thiết với cuộc hôn nhân này, không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình. Qua xác minh tại địa phương thể hiện bà T và ông H không còn sống chung với nhau. Do đó, có căn cứ xác định mâu thuẫn của bà T và ông H đã đến mức độ trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T cũng như ý kiến của Kiểm sát viên, cho bà Võ Thị T được ly hôn ông Nguyễn Kim H là phù hợp với Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà T xác định có 03 con chung là Nguyễn Kim H1, sinh năm 1997, Nguyễn Kim T1, sinh ngày 11/01/2001 và Nguyễn Võ Mai Thanh Tr, sinh ngày 28/12/2009. Ly hôn, bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Võ Mai Thanh Tr, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung Nguyễn Kim T1, Nguyễn Kim H1 đã đủ 18 tuổi nên không đề cập.

Xét thấy việc nuôi dạy con cái là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ, ai cũng có quyền này. Con chung là cháu Nguyễn Võ Mai Thanh Tr, sinh ngày 28/12/2009 hiện đang sống chung với bà T, có nguyện vọng được sống chung với bà T nên giao cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn là đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, phù hợp với Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập giải quyết.

Đối với con chung Nguyễn Kim T1, Nguyễn Kim H1 đã đủ 18 tuổi nên không đề cập.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) bà Võ Thị T phải chịu theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30

tháng 12 năm 2016 về việc "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng án phí lệ phí Tòa án" của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) bà T đã nộp theo biên lai thu số 0002339 ngày 10 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Bà T đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của Võ Thị T về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với ông Nguyễn Kim H.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Võ Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Kim H.

2. Về con chung: Giao con chung cháu Nguyễn Võ Mai Thanh Tr, sinh ngày 28/12/2009 cho bà Võ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, ông Nguyễn Kim H không cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) bà Võ Thị T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu số 0002339 ngày 10 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Bà T đã nộp đủ án phí.

Báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho bị đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các bên đương sự;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- UBND phường Thạc Gián, quận Thanh Khê, Tp Đà Nẵng (GCNKH số 96 ngày 22/10/1996)
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Ngọc Hưng